TIẾNG LATIN VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI CÁC NGÔN NGỮ TRÊN THẾ GIỚI

Kỳ I: Đế chế La Mã và tiếng Latin

VŨ NGỌC CÂN*

I. Dẫn nhập

1. Văn hoá La Mã cũng như tiếng Latin từ lâu đã có ảnh hưởng sâu rộng trên toàn thế giới. Từ tổ chức nhà nước, luật pháp, tôn giáo đến văn học, kiến trúc, hội hoạ chúng ta đều tìm thấy dấu ấn La Mã trong nền văn hoá của các quốc gia. Chữ Latin - thứ chữ ghi âm tiến bộ nhất - được sử dụng trên 200 quốc gia, là công cụ lưu giữ, truyền bá văn hoá của các quốc gia đó. Các từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, tục ngữ, ngạn ngữ trong nhiều thứ tiếng được du nhập từ tiếng Latin. Có thể nói, không một đất nước, không một ngôn ngữ nào dù bằng đường trực tiếp hay gián tiếp lại không chịu ảnh hưởng của văn hoá La Mã và tiếng Latin.

2. Nhưng chúng ta hiểu gì về tiếng Latin? Nó có nguồn gốc từ đâu, phát triển như thế nào, và hệ thống cấu trúc có những đặc điểm gì? Có kiến thức về tiếng Latin chúng ta sẽ có những thuận lợi gì trong việc tiếp thu văn hoá La Mã nói riêng và văn hoá châu Âu nói chung? Các ngôn ngữ châu Âu đang được giảng dạy phổ biến trên thế giới như Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Nga hoặc là có nguồn gốc hoặc là chịu ảnh hưởng to lớn từ tiếng Latin. Vậy tiếng Latin giúp gì cho việc dạy và học các ngoại ngữ đó?

Tiếng Latin ảnh hưởng cụ thể như thế nào đối với các thứ tiếng trên thế giới, trước hết là các ngôn ngữ Rô-măng hiện đại như Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, sau đó là các ngôn ngữ khác ở châu Âu thuộc hoặc không thuộc ngữ hệ Ấn-Âu như Anh, Đức, Nga, Bun, Séc, Slôvắc, Ba Lan, Bun ga ri, Phần Lan? Ngoài ra tiếng Latin ảnh hưởng như thế nào đối với các thứ tiếng châu Á, trong đó có tiếng Việt của chúng ta? Đó là những vấn đề chúng tôi muốn trình bày.

3. Trong bài viết này, chúng tôi muốn nêu lên quá trình hình thành, phát triển và suy vong của nhà nước La Mã cũng như nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển của tiếng Latin.

---

* TS. Trường Đại học Hà Nội

Hai nhóm vấn đề trên có liên quan mật thiết với nhau. Sự lớn mạnh và bành trướng của nhà nước La Mã tạo ra sự phát triển về hệ thống cấu trúc và phạm vi sử dụng của tiếng Latin. Từ chỗ là một ngôn ngữ nhỏ, ít người nói ở vùng Latium trên bờ sông Tibơrơ, tiếng Latin trở thành ngôn ngữ chung của các dân tộc sống trên toàn bán đảo Italia. Khi lãnh thổ của đế chế La Mã mở rộng tới gần như toàn bộ vùng Địa Trung Hải gồm 3 châu lục Âu, Phi, Á, tiếng Latin thực sự trở thành ngôn ngữ thế giới, mà trước hết là công cụ để duy trì, phát triển nhà nước và văn hoá La Mã. Khi đế chế La Mã suy yếu, thậm chí phần Tây La Mã bị tiêu diệt, thì từ tiếng Latin đã sinh ra hàng chục thứ tiếng mới vừa lưu giữ những đặc trưng của tiếng Latin cổ, vừa biến đổi bổ sung thêm những đặc trưng riêng để thành những ngôn ngữ độc lập, những ngôn ngữ Rô-măng hiện đại.

II. Sự hình thành, phát triển và suy vong của đế chế La Mã

1. Italia là một bán đảo dài và hẹp, hình dáng giống như một chiếc ủng vươn ra Địa Trung Hải. Vùng biển lớn thuộc về ba châu lục này là nơi đã xuất hiện các nền văn minh cổ xưa và rực rỡ nhất của nhân loại như Ai Cập, Lưỡng Hà và đặc biệt là Hy Lạp. Bán đảo Hy Lạp rất gần với Italia, có diện tích nhỏ hơn 5 lần nhưng lại có nền văn minh phát triển sớm hơn hàng chục thế kỷ. Bán đảo này tuy không phải là nơi phát sinh nhưng chính là nơi gặp gỡ của các nền văn minh Đông Tây rồi kết hợp phát triển thành một nền văn minh mới nhờ ý chí và sự sáng tạo tuyệt vời của các tộc người sinh sống tại đây.

Về cơ bản, có 3 tộc người đóng góp nhiều nhất vào quá trình hình thành nền văn minh La Mã cổ đại, đó là Italiốt, Êtơruxcơ và Hy Lạp. Người Italiôt sinh ra do sự hoà phối giữa các cư dân đến trước với các cư dân đến sau từ các vùng khác nhau của châu Âu vào thiên niên kỷ thứ II trước Công nguyên. Họ sinh sống chủ yếu ở các vùng trung và nam bán đảo, đặc biệt là các vùng Campani, Brutium và Latium. Những cư dân ở vùng Latium phát triển nhanh hơn được gọi là người Latin. Sang đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên có tộc người Êtơruxcơ từ Tiểu Á thiên di đến miền bắc bán đảo. Thế kỷ VIII trước Công nguyên lại có người Hy Lạp vượt qua biển Ađòriatích xâm nhập vào miền nam. Họ xây dựng các quốc gia thành thị (thành bang) theo truyền thống Hy Lạp cổ đại. Các tộc người ngoại lai di cư đến đều mang theo những tinh hoa văn hoá của họ có tác động lớn đối với các bộ lạc Latin.

2. Vào năm 753 trước Công nguyên, các bộ lạc Latin đã hợp nhau lại xây nên một thành bang trên bờ sông Tibơrơ với hình dáng và bộ máy nhà nước gần giống như của người Hy Lạp.

Roma hay La Mã là thành bang mang tên của một trong những người sáng lập và là ông vua đầu tiên của thị quốc này. Sự ra đời của thành bang liên quan đến một truyền thuyết như sau:

Trong cuộc chiến tranh 10 năm chống người Tơroa (còn gọi là Illium, ở vùng Tiểu Á thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay), người Hy Lạp đã giết gần như toàn bộ cư dân ở đây. Chỉ có một ít người sống sót, trong đó có Aeneas. Người này đã tìm đến vùng Latium sinh cơ lập nghiệp. Trải qua nhiều thế hệ, hậu duệ của ông ta là Rhea Silvia kết hôn cùng thần chiến tranh Mars sinh đôi được 2 người con trai đặt tên là Romulus và Remus. Do ghen ghét, đố kỵ, một người bà con đã hạ lệnh đặt 2 đứa trẻ vào một cái rổ rồi ném xuống sông Tibơrơ. Rất may có người đã cứu sống được chúng.

Romulus và Remus lớn lên rất nhanh và có sức khoẻ phi thường. Họ nảy ra sáng kiến xây thành ở nơi bị ném xuống sông để làm kỷ niệm. Tuy nhiên, sau khi xây xong thành thì mâu thuẫn giữa hai anh em ngày càng trở nên sâu sắc.

Mỗi người lên núi hỏi một vị thần của mình và đều được trả lời là sẽ làm vua. Thế là một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn đã xảy ra giữa hai anh em. Cuối cùng Remus bị giết, Romulus lên làm vua vào ngày 21 tháng 4 năm 753 trước Công nguyên, mở đầu thời kỳ vương chính cho quốc gia cổ đại này. Cái tên Roma hay La Mã, tiền thân thủ đô Italia ngày nay, có nguồn gốc từ cái tên Romulus.

Đến thế kỷ VI trước Công nguyên, những người Êtơruxcơ từ phía bắc bán đảo đến đánh chiếm thành La Mã và tiếp tục chế độ vương chính ở đây. Chế độ cai trị của họ vô cùng dã man, tàn bạo. Vì thế vào năm 509 trước Công nguyên dân chúng Roma nổi dậy khởi nghĩa. Ông vua cuối cùng của người Êtơruxcơ bị phế truất, La Mã trở thành một thị quốc độc lập đi theo chế độ cộng hoà (Respublica) giống như người Hy Lạp.

3. Ở thời kỳ vương chính, tổ chức nhà nước gồm có vua (rex), viện nguyên lão (senat) và Đại hội nhân dân (ecclezia). Đại hội bầu ra vua và các chức quan cao cấp. Viện nguyên lão gồm những người già có thế lực, uy tín, trở thành một cơ quan chính quyền có nhiệm vụ thảo ra các đạo luật nhưng lại chịu sự giám sát của Đại hội nhân dân. Viện nguyên lão cũng có quyền quyết định những chính sách và mọi việc liên quan đến nhà nước như chính sách quân sự, ngoại giao, tôn giáo.... Vua là người đứng đầu nhà nước, không có tính cha truyền con nối, không được tự ý quyết định các công việc quốc gia mà phải phụ thuộc vào hai cơ quan kia. Đây chính là nét nổi bật của chế độ vương chính thời nô lệ, tạo ra nền dân chủ chủ nô sau này.

Sang chế độ cộng hoà, bộ máy nhà nước La Mã đã có những thay đổi: Cơ quan quyền lực cao nhất cũng vẫn là Đại hội nhân dân, trước gồm những người Curie mang tính dân sự, sau là tập hợp của những người Xenturi mang tính quân sự nhiều hơn, có nhiệm vụ quyết định những vấn đề chung nhất của quốc gia. Cơ quan thứ hai là Hội đồng Chấp chính gồm 2 người có quyền lực ngang nhau. Nếu giữa 2 người có những ý kiến bất đồng thì có thể dùng quyền phủ quyết (Veto). Viện Nguyên lão – cơ quan đại diện thường trực cho Đại hội nhân dân về cơ bản có chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ như thời kỳ vương chính.

Chế độ vương chính đã tạo ra hai thành phần xã hội mâu thuẫn gay gắt: tầng lớp bình dân (Pơlép) và tầng lớp quý tộc (Paxtơrixi). Dưới chế độ cộng hoà, tầng lớp bình dân có điều kiện tập trung lực lượng và đấu tranh quyết liệt hơn. Kết quả là vào năm 450 trước Công nguyên những người Pơlep đã giành được quyền bình đẳng với tầng lớp Paxtơrixi và được quy định trong luật 12 bang. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của lịch sử Roma đề cập đến nhiều mặt của đời sống xã hội thời đó. Những thắng lợi của tầng lớp bình dân đã tạo nên sự thống nhất cao đối với cộng đồng Roma, làm nền tảng vững chắc cho chế độ cộng hoà, đồng thời cũng tạo nên một diện mạo mới cho đời sống kinh tế xã hội Roma.

Thời kỳ cộng hoà nền kinh tế, đặc biệt nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại ngày càng phát triển. Nông nghiệp chiếm vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế. Ruộng đất rơi vào tay giai cấp chủ nô. Họ tiến hành sản xuất kinh doanh với quy mô lớn. Các đại điền trang (Latinphundia) xuất hiện ngày càng nhiều và có vai trò quyết định vận mệnh quốc gia. Các Latinphundia chuyên sản xuất một lĩnh vực nào đó như về trồng ngũ cốc hoặc chăn nuôi. Thủ công nghiệp cũng rất phát triển. Các xưởng thủ công mọc lên ngày càng nhiều một mặt chế biến các nông phẩm như rượu vang, bột mì, mặt khác sản xuất các đồ dùng bằng đồng, sắt cũng như các đồ gia dụng như quần áo, giày dép... Các hoạt động thương mại cũng trở nên sầm uất hơn trước. Thương nhân có mặt ở nhiều hải cảng, trung tâm thương mại lớn tại các miền ven Địa Trung Hải. Họ buôn bán đủ loại hàng hoá từ đồ gia dụng đến thủ công mỹ nghệ, xa xỉ phẩm và cả nô lệ nữa.

Chế độ cộng hoà kéo dài từ năm 510 TCN đến năm 27 TCN. Sự phát triển về kinh tế xã hội trong thời kỳ này đã thúc đẩy sự phát triển về quân đội và tham vọng bành trướng của tầng lớp quý tộc. Quá trình bành trướng của Roma trải qua gần 200 năm. Đầu tiên họ tấn công người Êtơruxcơ sống ở vùng đất giữa hai con sông Ácnô và Tibơrơ. Sau hơn 10 năm kháng cự (406 TCN – 396 TCN) cuối cùng người Êtơruxcơ bị thất bại thảm hại. Tiếp đó vùng lãnh thổ miền trung của người Samnium cũng bị chinh phục. Từ đầu

thế kỷ III TCN người Rôma tiến đánh các thành bang Hy Lạp ở miền nam. Đến năm 275 TCN thành bang cuối cùng của Hy Lạp - thành bang Bênêventô, cũng phải đầu hàng. Đây là thời điểm đánh dấu sự bá chủ hoàn toàn bán đảo Italia của Roma.

Hơn 10 năm sau họ lại phát động chiến tranh chống Cáctagô và phải mất gần 20 năm (264 TCN – 146 TCN) họ mới đánh bại được quốc gia hùng mạnh Bắc phi này. Sau đó Roma tiếp tục mở các cuộc chiến tranh xâm lược khác như chống Xyri 192 – 189 TCN Maxêdônia 171 – 168 TCN và dần dần làm bá chủ toàn bộ vùng Địa Trung Hải và cũng là bá chủ thế giới.

Tóm lại, thời kỳ cộng hoà chế độ chiếm nô Roma đã phát triển đến cực thịnh. Điều đó cũng có nghĩa là tầng lớp nô lệ đã bị bóc lột thậm tệ, làm cho mâu thuẫn giữa họ với giai cấp chủ nô, cũng như trong nội bộ giai cấp chủ nô ngày càng trở nên gay gắt, quyết liệt. Đây cũng chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ của nền cộng hoà, thiết lập nên chế độ đế chế.

Năm 27 TCN là năm Ôguxtut thiết lập chế độ nguyên thủ (Prinxipat) mở đầu thời kỳ đế chế (Empire) mà lịch sử thường gọi là sơ kỳ đế chế. Ôguxtut là cháu của Xêda. Xêda (tên đầy đủ Julius Caesar) là một vị tướng tài hoa được phái bình dân lựa chọn bầu vào Đại hội nhân dân.

Xêda tham gia quyền bính với hai người khác là Pompeius và Crassus mà lịch sử gọi là chính quyền tam hùng lần thứ nhất. Ông gây uy tín, ảnh hưởng chủ yếu bằng những cuộc chinh phục quân sự và đàn áp các cuộc khởi nghĩa nô lệ. Dưới sự chỉ huy của ông, La Mã đã đánh bại nhiều quốc gia khác như Tây Ban Nha, Xentich, Henvêtti, Giécmăng... mở rộng lãnh thổ cho Roma. Năm 53 TCN Crassus bị giết. Sau khi giết được Pompeius và lấy Nữ hoàng Ai Cập Clêôpat, ông đã tạo nên một liên minh chính trị rộng lớn, vững chắc. Từ năm 49 TCN, ông kiểm soát toàn bộ Roma, đến năm 45 TCN thì trở thành độc tài. Ngày 15/3/1944 TCN ông bị những người cộng hoà giết hại, Roma lại bước vào cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Cuối cùng Ôguxtut – cũng gọi là Octavinút đã chiến thắng phái cộng hoà và trở thành hoàng đế (Emperor) đầu tiên của đế chế La Mã vào năm 27 TCN.

Ở sơ kỳ đế chế, La Mã tiếp tục bành trướng thế lực và đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt với 3 triều đại kế tiếp nhau. Đó là Octaviut (27 TCN-69 CN), Phờlaviút (69 CN - 96CN) và Antôviút (96CN-192CN). Tuy nhiên từ cuối thế kỷ II đến cuối thế kỷ III thì đế quốc La Mã dần dần rơi vào khủng hoảng trầm trọng: giai cấp chủ nô tranh chấp nhau quyết liệt, nội bộ các triều đại cũng bắt đầu mâu thuẫn về quyền bính. Năm

284 hoàng đế Điôclêtianut đã tự xưng là vương chủ (Đôminat) nắm trong tay cả vương quyền lẫn thần quyền. Thời kỳ vương chủ – cũng gọi hậu kỳ đế chế (284 – 476) chế độ nô lệ bắt đầu tan rã. Năm 395 hoàng đế Têôđôxiut chia đế quốc thành hai phần Tây và Đông La Mã cho hai người con trai. Tây La Mã, thủ phủ là Roma bị các tộc người Giéc măng tiêu diệt vào năm 476. Sau đó một loạt các quốc gia mới hình thành và châu Âu bước vào thời kỳ phong kiến. Trong khi đó Đông La Mã, thủ phủ là Côngxtantinốp, sau gọi là đế quốc Bidăngtin tồn tại đến năm 1453 thì bị Thổ Nhĩ Kỳ thôn tính.

III. Nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Latin

1. Trên bán đảo Italia vốn không có người bản địa, nhưng trước thiên niên kỷ II TCN đã có những tộc người như Ligur, Sard từ nơi khác đến sinh sống. Khoảng thế kỷ 9 - 8 TCN xuất hiện những bộ lạc Italic, trong đó có người Latin xâm nhập vào miền nam của sông Tibơrơ và miền trung bán đảo. Họ định cư ở vùng Latium và những vùng phụ cận của lưu vực sông Tibơrơ. Cùng thời gian đó các tộc người Illir và Venet chiếm cứ được miền bắc bán đảo.

Các tộc người nêu trên được giới dân tộc học gọi là Italiốt, sử dụng các thứ tiếng thuộc nhánh Italic của ngữ hệ Ấn-Âu. Italic gồm các thứ tiếng như Faliscan, Osco – Umbnas, Vênetic, Latin... hình thành trên bán đảo vào giữa thiên niên kỷ thứ 2 TCN.

Ngữ hệ Ấn-Âu là một trong những ngữ hệ lớn nhất trên thế giới, hiện nay có khoảng hơn 3 tỉ người nói (theo điều tra năm 2004). Ngữ hệ này chia thành nhiều ngữ hệ nhỏ - các nhánh hay dòng, phân bố ở hầu khắp châu Âu cũng như phần Tây, Tây Nam châu Á như Ấn Độ, Iran.... Các dòng lớn hay ngữ hệ nhỏ như Anatôli hình thành từ thế kỷ XVIII TCN, Xentic khoảng thế kỷ VI TCN đến VI SCN, Giécmăng khoảng thế kỷ II đến IV SCN, Xlavơ khoảng thế kỷ IX – XIV SCN và đặc biệt là Italic từ thế kỷ VII TCN.

Quá trình hình thành phát triển của ngữ hệ Ấn - Âu cho đến ngày nay được mô tả cơ bản như sau:

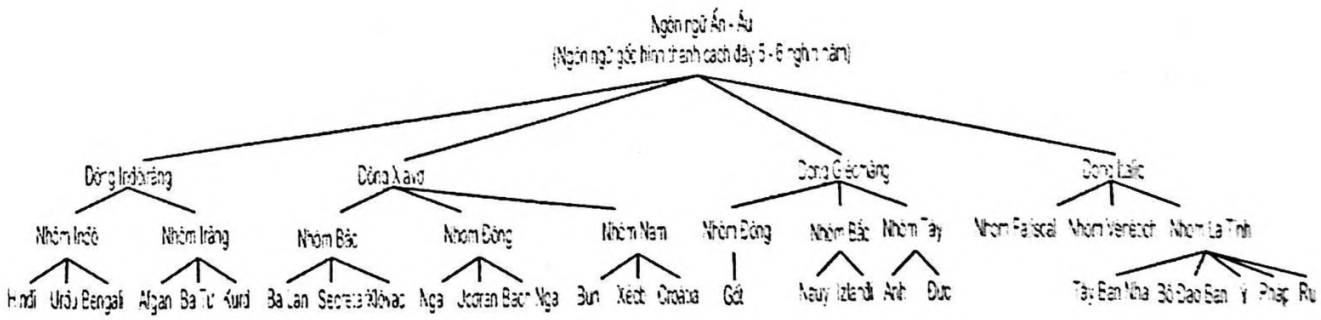

2. Có thể phân chia lịch sử tiếng Latin thành 6 thời kỳ chính:

a. Thời kỳ cổ đại (753 TCN đến năm 81 TCN): Tiếng Latin cùng với các thứ tiếng khác thuộc nhánh Italic hình thành vào giữa thiên niên kỷ II TCN. Vào giữa thế kỷ VIII TCN, thứ tiếng này đã trở nên phổ biến trong quốc gia La Mã và sang thế kỷ VII TCN đã có chữ viết. Chữ Latin cổ được tiếp thu từ chữ Hy Lạp cổ, có nguồn gốc từ chữ Êtơrusxcơ và chữ Phênixi. Tiếng Latin thời kỳ này còn giữ lại nhiều đặc điểm của ngôn ngữ Ấn-Âu ở cả 3 lĩnh vực: phát âm, từ vựng, ngữ pháp.

b. Thời kỳ cổ điển (81 TCN đến 200 SCN):

Văn học thời kỳ này đặc biệt phát triển với nhiều tác giả và tác phẩm xuất sắc, kéo theo sự phân hoá thành ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ của binh sĩ, nô lệ và tầng lớp bình dân, trong khi ngôn ngữ viết – ngôn ngữ văn học là dạng ngôn ngữ dùng trong hành chính, pháp luật và sáng tác văn học.

c. Thời kỳ tiếng Latin thông tục (200-600)

Từ chỗ là ngôn ngữ của một nhóm người sống ở vùng Latium, trải qua hơn 2 thế kỷ, đến khoảng thời gian này (200 – 600 CN) tiếng Latin đã trở thành tiếng mẹ đẻ của cả một vùng lãnh địa rộng lớn mà đế chế La Mã chinh phục được. Từ năm 200 dạng ngôn ngữ nói phát triển hơn và dần dần tách biệt với ngôn ngữ văn học. Sự sụp đổ của đế chế Tây La Mã vào năm 476 đã khởi đầu cho quá trình chia tách thành các ngôn ngữ độc lập. Cũng sau thời điểm này, chế độ phong kiến châu Âu hình thành với hai đặc trưng cơ bản là chế độ phát canh thu tô và sự bành trướng của đạo Cơ đốc.

d. Thời kỳ tiếng Latin Trung cổ (600 – 1300)

Đạo Cơ đốc vốn ra đời ở vùng Giêruxalem thuộc đế chế Đông La Mã vào đầu Công nguyên. Sang thời kỳ Trung cổ, nhất là sau năm 313, Hoàng đế Côngxtantinuxơ đã tuyên bố Cơ đốc là quốc giáo thì nó ngày càng phát triển rộng khắp châu Âu. Tiếng Latin trở thành công cụ truyền bá và thuyết giảng giáo lý và giảng dạy bộ môn thần học ở các nhà trường. Đồng thời Latin cũng là ngôn ngữ viết chính thức – ngôn ngữ hành chính ở nhiều nước châu Âu. Từ vựng cũng được mở rộng bằng cách thu nạp các từ ngữ của các thứ tiếng địa phương. Một đóng góp khác ở thời kỳ tiếng Latin Trung cổ là sự cải tiến về mặt chữ viết: dạng chữ viết thường bắt đầu hình thành, sự phân biệt giữa cách viết i và j, u và v cũng được đưa vào hệ thống chữ cái.

e. Thời kỳ tiếng Latin Phục hưng diễn ra giữa các năm 1300 – 1600

Lúc này đã có nhiều từ ngữ mới nảy sinh trong ngôn ngữ văn học và cũng xuất hiện những cách sử dụng, những phong cách mới phục vụ cho những tư tưởng nhân đạo chủ

nghĩa. Các nhà văn, nhà thơ, nhà triết học cũng muốn làm sống lại vốn từ vựng và hệ thống ngữ pháp của thời kỳ Latin cổ điển.

f. Thời kỳ tiếng Latin hiện đại được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 gồm 3 thế kỷ (1600 – 1900) tiếng Latin được dùng để sáng tác văn học và quản lý hành chính tại các quốc gia độc lập có tiếng mẹ đẻ xuất phát từ tiếng Latin. Đồng thời tiếng Latin cũng là ngôn ngữ ngoại giao cho đến thế kỷ XVIII và được giảng dạy ở các trường đại học châu Âu cho đến thế kỷ XIX.

Giai đoạn 2 từ 1900 đến nay tiếng Latin là ngôn ngữ chính thức của Giáo hội ở các quốc gia theo đạo Thiên chúa và là ngôn ngữ nói chính thức của Vaticăng - quốc gia tôn giáo duy nhất trên thế giới.

3. Các ngôn ngữ Rô-măng hay Latin mới

Tiếng Latin hình thành, phát triển và suy yếu cùng với sự lớn mạnh và suy vong của nhà nước Roma. Ban đầu tiếng Latin được sử dụng trong phạm vi một vùng. Khi đế quốc La Mã làm chủ được Italia thì nó cũng được lan truyền đi toàn bán đảo. Khi đế chế La Mã hoàn toàn cai trị vùng Địa Trung Hải, cũng đồng thời là bá chủ thế giới, thì nó trở thành ngôn ngữ chính thức, tiếng mẹ đẻ của tất cả các dân tộc nằm trong tầm kiểm soát của chính quyền Roma. Đóng góp vào vai trò này có 2 lực lượng chính: các binh sĩ Rômăng và các cha cố đạo Cơ đốc. Ngoài ra, còn phải kể đến những chính sách hành chính, văn hoá và giáo dục của đế chế La Mã. Tuy nhiên, do sự khác biệt về nhiều mặt giữa các vùng nhất là những vùng xa chính quyền trung ương mà những biến thể khác nhau của tiếng Latin đã hình thành. Ngoài ra sự khác biệt ngày càng lớn giữa dạng nói và dạng viết đã làm cho tiếng nói giữa các vùng cũng ngày càng khác nhau. Điều đó dẫn đến sự hình thành những biến thể phương ngữ. Khi đế chế Tây Roma sụp đổ, chính quyền trung ương không còn kiểm soát được về mặt hành chính và đời sống xã hội nữa thì các biến thể đó dần dần biến thành những ngôn ngữ độc lập. Đó là các thứ tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Catalan, Bồ Đào Nha, Ý, Rumani... Quá trình độc lập diễn ra chủ yếu vào các thế kỷ VIII, IX. Người ta gọi những ngôn ngữ đó là các thứ tiếng Rômăng hiện đại hay Latin mới.

Từ các thế kỷ XV, XVI đến XVII, XVIII chủ nghĩa thực dân châu Âu phát triển rất mạnh. Họ đem quân sang xâm lược nhiều quốc gia châu Mĩ, châu Á, châu Phi tạo ra những cộng đồng nói tiếng Tây Ban Nha ở nhiều nước Trung, Nam Mĩ như Chi Lê, Bôlivia, Mêhicô, Áchentina, Vênêduêla, Cuba..., nói tiếng Bồ Đào Nha ở Braxin, Đông Ti Mo, nói tiếng Pháp ở Canada, Angiêri, Sênêgan...

Ngày nay số lượng người nói các thứ tiếng Rômăng bắt nguồn từ tiếng Latin với tư cách tiếng mẹ đẻ lên tới hơn 850 triệu chiếm trên 15% dân số thế giới, trong đó có tới 2/3 số người sinh sống ở các nước nằm ngoài châu Âu.

Các thứ tiếng Rômăng giữ lại những đặc điểm gì chung từ tiếng Latin và tiếng Latin có những đặc điểm riêng gì so với các thứ tiếng Ấn - Âu khác? Đây sẽ là nội dung của bài viết sắp tới.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Lương Minh (chủ biên). Lịch sử thế giới cổ đại. Nxb Giáo dục, Hà Nội 1995
2. Chiêm Tế. Lịch sử thế giới cổ đại, tập II. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, HN 2000.
3. Vũ Ngọc Cân. Lịch sử văn minh thế giới. Trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội, HN 1999.
4. Rona-Tas Anđera's Nyelvrokonsa'g' (Họ hàng ngôn ngữ), Budapest 1978
5. Một số trang web như Wikipedia.com, Amazon.com...